

Bản án số: 23/2026/HS-ST

Ngày 21 tháng 7 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Dừa và bà Phan Thị Mấy

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Thanh Ngọc - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 13 - Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Hà Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Thanh Hóa và tại Phân trại tạm giam Quan Hoá, xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 22/2026/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2026/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. **Cao Đức C**, sinh ngày 04/6/1986, tại tỉnh Thanh Hoá. Số CCCD: 038086037601; Nơi ĐKKHTT: Thôn T, xã L, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Cao Văn L, sinh năm 1959; con bà Nguyễn Thị D (Đã chết); Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba, bị cáo có vợ Triệu Thị Ch, sinh năm 1983, có 01 con sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2026 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam Quan Hoá. Có mặt.

2. **Lê Văn M**, sinh ngày 25/7/1981, tại tỉnh Thanh Hoá. Số CCCD: 038081014701; Nơi ĐKKHTT: Thôn 9, xã T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 02/12; con ông Lê Văn T, sinh năm 1951; con bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1955; gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ 2; bị cáo không có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2026 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/04/2026 Công an xã Tr phối hợp với Phòng CSĐT tội phạm về ma túy, mời Lê Văn M và Cao Đức C đến trụ sở Công an xã Tr tiến hành test nhanh ma túy qua nước tiểu đối với Lê Văn M và Cao Đức C, kết quả C và M đều dương tính với chất ma túy loại Methamphetamin (BL:02-03). Sau khi làm việc về nội dung liên quan đến việc dương tính với ma túy, Lê Văn M và Cao Đức C đã nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nên các bị cáo đã xin đầu thú khai nhận hành vi cùng tổ chức sử dụng ma túy vào ngày 31/3/2026 tại lán công trình thuộc bản C, xã Tr, tỉnh Thanh Hóa (BL: 09 - 10).

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 31/3/2026, Lê Văn M và Cao Đức C đang ngồi cùng nhau tại lán công trình thuộc bản C, xã Tr, tỉnh Thanh Hóa. Tại đây, Cao Đức C chủ động khởi xướng hỏi M: *“Có không làm tý, có thì làm mấy hơi”*, ý nói tự hiểu với nhau là chơi ma túy. Do cũng có nhu cầu tương tự, Lê Văn M đồng ý ngay và bảo C chờ để M đi tìm mua ma túy về cùng sử dụng.

Lê Văn M đi bộ đến khu vực đường đồi thuộc bản C, xã Tr thì gặp một người đàn ông không quen biết, mặc trang phục dân tộc Mông và mua được 02 viên ma túy hồng phiến với giá 100.000 đồng. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, M quay trở lại lán công trình và thông báo cho C biết đã mua được 02 viên hồng phiến. Sau đó, M và C rủ nhau đi xuống bờ suối gần lán công trình để cùng sử dụng.

Tại khu vực bờ suối, cả hai cùng nhau phối hợp chuẩn bị công cụ, phương tiện sử dụng ma túy: C nhặt 01 vỏ chai nhựa (nhãn hiệu Number 1) súc sạch bằng nước suối rồi dùng thuốc lá đang hút châm thủng thân chai, tạo lỗ rồi cắm ống hút (Dạng cành luống) dài khoảng 15cm, sau đó đổ thêm nước vào chai (BL: 112-114). Cùng lúc đó M dùng mảnh giấy bạc từ bao thuốc lá cuộn thành máng để tạo bộ dụng cụ hút ma túy hoàn chỉnh. M lấy 01 viên ma túy hồng phiến đặt lên trên giấy bạc. C cầm giấy bạc và dùng bật lửa ga đốt từ phía dưới cho ma túy nóng tạo khói rồi trực tiếp hút qua miệng chai (BL:88-93). C hút trước, sau đó luân phiên thực hiện việc sử dụng ma túy cho đến khi hết hoàn toàn hai viên ma túy. Sử dụng xong, C và M vứt bỏ dụng cụ tại khu vực bờ suối và trở về lán. (BL: 92 - 93, 113 - 114).

Kết quả khám nghiệm hiện trường, xung quanh vị trí C và M sử dụng chất ma túy, Cơ quan điều tra thu giữ được 01 vỏ chai nhựa có đặc điểm: Không có nắp đậy, phía trên cổ chai có 1 viên nhựa màu vàng, phía dưới chân vỏ chai có 1 lỗ nhỏ hình tròn, đường kính khoảng 0,8cm, vị trí tâm lỗ cách mép đáy vỏ chai

khoảng 5cm, phía trong và phía ngoài có bám dính các chấm nhỏ chất lỏng (Dạng giọt bắn), các bị cáo khai đây là dụng cụ các bị cáo đã dùng để sử dụng ma túy. (BL:11-12)

Tại Kết luận giám định số 1776/KL-KTHS ngày 06/04/2026 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: “*Tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine trong mẫu nước tiểu của Lê Văn M và Cao Đức C gửi giám định*”. (BL:120)

Đối với người đàn ông đã bán 02 viên ma túy Hồng phiến cho bị cáo Lê Văn M, do bị cáo M không biết rõ nhân thân lai lịch nên cơ quan điều tra không có cơ sở để mở rộng điều tra xử lý đối với người này.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS-KV13 ngày 26/6/2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Thanh Hoá đã truy tố các bị cáo Cao Đức C và Lê Văn M về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố. Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo Cao Đức C từ 36 đến 39 tháng tù, xử phạt bị cáo Lê Văn M từ 36 đến 39 tháng tù, thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày tạm giữ. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu tiêu huỷ 01 chai nhựa không có do không còn giá trị sử dụng.

Về án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo Cao Đức C và Lê Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Cao Đức C, Lê Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung

cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường về thời gian, địa điểm phạm tội, vật chứng thu giữ, kết quả giám định về ma túy, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 31/3/2026, tại khu vực lán công trình thuộc bản Ta Cóm, xã Tr, tỉnh Thanh Hóa, các bị cáo Cao Đức C, Lê Văn M đã cùng nhau chuẩn bị công cụ, phương tiện, thực hiện việc đưa trái phép chất ma túy vào người nhau bằng hình thức cùng hút ma túy, nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân trái quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo Cao Đức C và Lê Văn M như trên đã phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), có khung hình phạt từ 03 năm đến 07 năm tù.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về ma túy, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác và các tệ nạn xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, do đó cần áp dụng hình phạt tù để cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vị trí, vai trò, và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân nhận thức rõ việc đưa chất ma túy vào người khác trái phép, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố tình thực hiện, cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi hành vi phạm tội đã bị phát hiện đã chủ động đầu thú khai báo toàn bộ sự việc, nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về vị trí, vai trò của các bị cáo: Các bị cáo không có sự bàn bạc và phân công vai trò từ trước, không có sự cấu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Cao Đức C là người khởi xướng, trực tiếp tham gia chuẩn bị công cụ, phương tiện và cùng thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma

túy. Bị cáo Lê Văn M trực tiếp chuẩn bị nguồn tiền, thực hiện việc đi mua ma túy, và cùng trực tiếp tham gia tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Người này hỗ trợ người kia để cùng thực hiện tội phạm. Do đó, vị trí vai trò của các bị cáo trong vụ án là ngang nhau, bột phát cùng thực hiện tội phạm trên cơ sở có nhu cầu sử dụng ma túy như nhau.

Xét thấy các bị cáo lần đầu phạm tội, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng và đều có 02 tình tiết giảm nhẹ, khi biết hành vi của mình đã bị phát hiện các bị cáo đã đầu thú, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Do đó, khi áp dụng hình phạt là tù có thời hạn cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, từ đó tu dưỡng, cải tạo mình trở thành công dân tốt, sớm quay về hoà nhập với gia đình, xã hội. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát đề nghị buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt từ 36 đến 39 tháng tù đối với cả hai bị cáo là có căn cứ, đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có tài sản riêng và nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chai nhựa đã qua sử dụng, không có nắp đậy, được đựng trong 01 túi niêm phong chuyên dụng ký hiệu SP2 2006753 của Công an xã Tr, tỉnh Thanh Hoá, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu huỷ. Ngoài ra không còn vật chứng nào khác để xử lý.

[7] Về các vấn đề khác: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Cao Đức C và Lê Văn M phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): Xử phạt bị cáo Cao Đức C 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 03/4/2026.

Căn cứ khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): Xử phạt bị cáo Lê Văn M 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 03/4/2026.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 01 chai nhựa đã qua sử dụng.

(Vật chứng trên hiện đang được bảo quản tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 - Thanh Hóa, đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng số 33

ngày 29/6/2026 giữa Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Thanh Hóa và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 - Thanh Hóa).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc mỗi bị cáo Cao Đức C và Lê Văn M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 13 – Thanh Hoá;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ sở giam giữ;
- THAHS Công an tỉnh Thanh Hoá;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hoàng